

Bản án số: 36/2021/HS-ST

Ngày: 21-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy;

2. Bà Phạm Thị Chuộng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 05/2021/TB-TA ngày 12 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đức H**, sinh năm 1963 tại thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Khu dân cư N, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Độn (đã chết) và bà Trương Thị Tĩnh (đã chết); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị Lịch và 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

1. Bị hại:

1.1. Ông Lương Văn K, sinh năm 1967 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho ông K:

- Cụ Lương Văn C, sinh năm 1938, cụ Trần Thị B, sinh năm 1938 - Là bố và mẹ đẻ của ông Lương Văn K.

- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1965 - Là vợ ông K.

- Anh Lương Văn D, sinh năm 1989 - Là con trai ông K.

Đều có địa chỉ: Khu dân cư A, phường A1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lương Văn Đ1, sinh năm 1994 - Là con trai ông K.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hoàng Tiến.

1.2. Cháu Lương Tiến D2, sinh năm 2011. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu D: Anh Lương Văn Đ2, sinh năm 1979 - Là bố đẻ cháu Lương Tiến D2. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Khu dân cư A, phường A1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ C, cụ B, bà Đ, anh Đ1 và anh Đ2: Anh Lương Văn D. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Lương Tiến D2: Bà Lê Thị Thu Hiền - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vợ chồng anh Trần Ngọc H3, sinh năm 1979 và chị Lê Thị H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 1, khu Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Trần Đình Vang, sinh năm 1959; anh Võ Việt Hoàng, sinh năm 1990; anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2000. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 12/8/2020, Trần Đức H (*không có chứng chỉ vận hành xe nâng hàng theo quy định*) đã tự ý lấy xe nâng hàng nhãn hiệu Mitsubishi Grendia không có biển số (xe cấm sẵn chìa khóa điện ở ổ khóa) của vợ chồng anh Trần Ngọc H3 và chị Lê Thị H1 để nhờ ở sân nhà Hùng điều khiển đến phường A3, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để chở cuộn dây cáp cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2000; trú tại: Thôn T4, xã ĐL, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên về bãi cát nhà anh Nguyễn Văn T6 ở Khu dân cư N, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày, Hùng điều khiển xe nâng hàng chở cuộn dây cáp ở cảng nâng hàng phía trước bên phải đi theo hướng phường A3 đi phường T. Khi đến vị trí cách lối mở vào bãi cát nhà anh T6 khoảng 4 đến 5m, Hùng bật đèn xi nhan trái xin chuyển hướng sang trái. Khi xe nâng đi gần đến vị trí đối diện với lối mở, H quan sát phía sau hai bên qua gương chiếu hậu thấy không có người tham gia giao thông, phía trước cách khoảng 30-40m có xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng đen, biển số 34D1-385.59 do ông Lương Văn K điều khiển chở cháu Lương Tiến D2 ngồi phía sau đi hướng ngược chiều, Hùng điều khiển xe nâng rẽ trái vào lối mở đi vào khu vực bãi cát thì xe mô tô do ông K điều khiển đi đến đâm vào cảng xe nâng hàng phía trước bên trái do

Hùng điều khiển. Sau va chạm, xe mô tô do ông K điều khiển trượt trên lề đường bên phải theo hướng đi của ông K, cách xe nâng hàng do Hùng điều khiển khoảng 2 đến 3 mét thì bị đổ nghiêng trái. Ông K và cháu D bị càn nâng hàng cản lại nên ngã ra lề đường phải. Lúc này, xe nâng hàng do Hùng điều khiển đang xoay ngang giữa đường, càn xe, đầu xe hướng vào bãi cát nhà anh T6, đuôi xe hướng về phía nhà dân.

Kết quả khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông xác định:

Hiện trường vụ tai nạn giao thông đã bị xáo trộn, các phương tiện đã bị di chuyển khỏi vị trí, nạn nhân được đưa đi cấp cứu. Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là một đoạn đường thẳng hai chiều được trải bê tông tương đối bằng phẳng, mặt đường rộng 3,5m, không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt. Hướng phường T đi phường A3 thì lề đường bên phải, rộng 175 cm, sát lề đường có các bãi cát, đá; lề đường bên trái rộng 250cm, sát lề đường là nhà dân sinh sống. Nơi xảy ra tai nạn là lối mở đi vào bãi cát nhà anh T6, rộng 4,2m. Tại đây không có hệ thống biển báo hiệu đường bộ, không bị che khuất tầm nhìn.

Lấy tâm lối mở vào bãi cát gần nhà anh T6 làm điểm cố định xác định vị trí vụ tai nạn. Lấy mép đường phải theo hướng UBND phường T đi chợ A3 làm mép đường chuẩn. Thống nhất khám nghiệm hiện trường theo chiều từ phường T đi phường A3. Từ điểm cố định cách 3,4m về phía phường A3 là (1). (1) là vũng nước có kích thước (1,65 x 0,5)m, vũng nước nằm ở lề đường dọc sát mép đường phải; từ đầu (1) cách 0,8m về hướng phường A3 là (2). (2) là khẩu trang y tế, (2) cách mép đường phải 1,25m; từ cuối (1) cách 1,1m về hướng phường A3 là dấu vết (3). Dấu vết (3) là vết cày sỏi cát có kích thước (30 x 7 x 5)cm, hướng phường T đi phường A3, đầu dấu vết (3) cách mép đường phải 90cm, cuối vết (3) cách mép đường phải 95cm, dấu vết (3) nằm ở lề đường phải; từ cuối dấu vết (3) cách 30cm về hướng phường A3 là dấu vết (4), dấu vết (4) là vết cày sỏi cát kích thước (50x7x4) cm, đầu vết cách mép đường phải là 35 cm, cuối vết cách mép đường phải 50 cm, dấu vết (4) nằm ở lề đường bên phải; từ cuối dấu vết (1) cách 1m theo hướng phường A3 là dấu vết (5), vết (5) là những mẫu bánh mỳ kích thước (219x50)cm, tâm dấu vết (5) cách mép đường phải là 130cm, dấu vết (5) nằm ở lề đường phải.

Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông xác định:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 34D1-358.59: Phần đầu và phần xe mô tô bên trái do ông K điều khiển gồm ốp nhựa lắp trước tay lái và ốp nhựa lắp sau tay lái bị bật tung ra khỏi vị trí ban đầu; càn gương chiếu hậu bên trái bị cong theo chiều từ trước về sau, gương chiếu hậu bên trái bị bật rời ra khỏi càn gương; phía trước ốp cao su bảo vệ chân gương chiếu hậu bên trái bị rách kích thước (2,4 x 0,5) cm, tương xứng với vị trí vết rách này có vết trầy xước kim loại ở phần càn gương kích thước (4x3) cm theo

chiều từ trước về sau, trên bề mặt vết trầy xước kim loại có chất bám dính kim loại màu vàng bị han rỉ; đế chân bên trái phía trước bị cong theo chiều từ trước về sau; ốp cao su đế chân bên trái phía sau có bám dính cát kích thước (8x4,2) cm; ốp nhựa đuôi sau xe mô tô và củ đèn báo phía sau bị bật tung khỏi vị trí ban đầu; toàn bộ má ngoài lớp phía trước, cánh yếm, ốp sau, má yếm, má lớp phía sau bên trái có bám dính cát và chất bụi bẩn.

- Xe nâng hàng nhãn hiệu Mitsubishi Grendia:

Xe nâng có 2 càng nâng hàng ở phía trước. Hai càng nâng làm bằng kim loại, bề mặt trên dưới, trái phải đều bị han rỉ màu vàng. Khoảng cách giữa hai càng nâng hàng là 51cm, chiều dài của hai càng nâng đều có kích thước là 115cm. Chiều rộng hai càng nâng hàng đều có kích thước 12,5cm. Chiều cao của hai càng nâng, chỗ cao nhất đều có kích thước là 3cm, chiều cao của càng nâng hàng chỗ thấp nhất đều có kích thước là 0,1cm. Tại bề mặt phía dưới của càng nâng hàng phía trước bên trái có vết xước làm bong vết han rỉ để lộ phần kim loại theo chiều từ phải qua trái, kích thước (8x0,5) cm, đầu vết xước cách mũi càng nâng hàng 43 cm, cách cạnh bên trái càng nâng hàng là 5,4 cm; cuối vết xước cách mũi càng nâng hàng 51 cm, cách cạnh bên trái càng nâng hàng 1 cm.

Tại Biên bản khám nghiệm tử thi ngày 12/8/2020 và Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 205/GDPY ngày 16/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Nguyên nhân chết của ông Lương Văn K là do chấn thương ngực, bụng (gãy nhiều xương sườn, chảy máu khoang ngực bụng, vỡ gan). Tổn thương chính gây chết trên thi thể ông Lương Văn K là do bị lực tác động rất mạnh từ phía trước ra sau, phải sang trái với diện tiếp xúc theo chiều ngang; thiết diện tương đối khu trú trên diện 32x6 cm. Một số tổn thương phần mềm rải rác khác có cơ chế do bị va đập chà sát nhẹ.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích qua hồ sơ số 298/TgT/HS ngày 21/10/2020 của Phòng giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương kết luận: Cháu Lương Tiến D2 bị rách môi dưới đã xử lý, tổn thương trên có đặc điểm do vật tày gây ra, cháu D bị tai nạn giao thông gây ra là phù hợp. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/HĐĐG ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thị xã Kinh Môn kết luận: Xe mô tô biển số 34D1-385.59 bị hư hỏng thiệt hại trị giá là 94.250 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi ông Lương Văn K chết, gia đình ông K thống nhất ủy quyền cho anh Lương Văn D, sinh năm 1989 (con trai ông K) tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của người bị hại. Bị cáo Trần Đức H đã bồi thường cho gia đình ông K tổng số tiền 170.000.000 đồng, bồi thường cho gia đình cháu Lương Tiến D2 số tiền 30.000.000 đồng. Gia đình

ông K và gia đình cháu D không có yêu cầu, đề nghị gì thêm; đối với xe nâng hàng nhãn hiệu Mitsubishi Grendia của vợ chồng anh Trần Ngọc H3 và chị Lê Thị H1 không bị hư hỏng gì nên anh Hướng, chị Hiên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 12/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Đức H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên toà: Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Trần Đức H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của BLHS đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Trần Đức H từ 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 34D1-385.59, màu sơn đen trắng cho anh Lương Văn D; trả lại chiếc xe nâng nhãn hiệu Mitsubishi Grendia cho vợ chồng anh Trần Ngọc H3 và chị Lê Thị H1.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; công nhận Quyết định truy tố của VKSND thị xã Kinh Môn về tội danh đối với bị cáo là đúng. Bị cáo xác định chỉ vì muốn có thêm thu nhập nên đã tự ý lấy xe nâng hàng của vợ chồng anh Hướng, chị Hiên gửi tại gia đình để đi chở thuê hàng từ phường A3 về khu bãi cát gần nhà anh T6 đã gây ra tai nạn, hậu quả làm ông K tử vong. Về nguyên nhân xảy ra tai nạn là do lỗi của bị cáo vì quá tự tin khi điều khiển xe nâng sang đường, nhưng tại thời điểm xảy ra tai nạn ông K điều khiển xe mô tô với tốc độ cao, không quan sát, không làm chủ được tốc độ, mặc dù bị cáo đã xi nhan xin đường, nháy đèn, bấm còi, xua tay để cảnh báo cho ông K nhưng ông K không quan sát, vẫn điều khiển xe máy đâm vào càng nâng hàng xe của bị cáo. Ngoài ra, có căn cứ xác định ông K sử dụng rượu khi tham gia giao thông nhưng cơ quan điều tra chỉ tiến hành kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo mà không tiến hành kiểm tra nồng độ cồn trong máu của ông K.

Người đại diện hợp pháp của bị hại (ông K) có lời khai xác định nguyên nhân của vụ tai nạn có một phần lỗi của bị hại (*sử dụng rượu khi tham gia giao thông*); người đại diện hợp pháp của ông K, cháu D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã ăn năn, hối lỗi, đã bồi thường đầy

đủ về trách nhiệm dân sự cho gia đình bị hại và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (cháu D) trình bày quan điểm: Tại phiên tòa, phía cháu D và người đại diện hợp pháp có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc bồi thường trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và gia đình cháu D đã xong, phía bị hại không có yêu cầu gì thêm nên tôi không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về các hành vi, quyết định tố tụng:*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BYT-BCA ngày 23/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định về xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì “*Người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gây tai nạn hoặc bị tai nạn giao thông được sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đang làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông yêu cầu kiểm tra nồng độ cồn trong máu*”. Tuy nhiên, sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan điều tra không tiến hành xét nghiệm nồng độ cồn trong máu đối với bị hại là thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ; còn lại các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và đại diện hợp pháp của bị hại, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định pháp y về tử thi và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 12/8/2020, tại đoạn đường liên phường thuộc Khu dân cư N, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Trần Đức H không có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng, đã điều khiển xe nâng hàng nhãn hiệu Mitsubishi Grendia tham gia giao thông, khi chuyển hướng đã không nhường đường cho xe mô tô do ông Lương Văn K điều khiển đi ngược chiều đã gây tai nạn. Hậu quả ông K bị chết, cháu D bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%, xe mô tô bị hư hỏng trị giá thiệt hại là 94.250 đồng.

Xét nguyên nhân dẫn đến tai nạn thì thấy: Nguyên nhân chính là do khi chuyển hướng xe bị cáo đã không nhường đường cho xe ngược chiều đã dẫn đến tai nạn giao thông; căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường thì trên phần đường của bị hại không để lại vết phanh của xe mô tô; Kết luận giám định pháp y về tử

thi xác định: “*Tổn thương chính gây chết trên thi thể ông Lương Văn K là do bị lực tác động rất mạnh từ phía trước ra sau, phải sang trái với diện tiếp xúc theo chiều ngang, thiết diện tương đối khu trú trên diện 32x6 cm*”. Như vậy, lời khai của bị cáo xác định “*khi xảy ra tai nạn, bị hại điều khiển xe máy với tốc độ cao, không chú ý quan sát khi thấy chướng ngại vật phía trước, không giảm tốc độ nên đã va chạm vào càng nâng hàng của xe nâng do bị cáo điều khiển, xe máy do bị hại điều khiển trượt về phía trước còn bị hại bị càng nâng cản lại, ngã xuống đường*” là có căn cứ. Do đó, HĐXX xác định phía bị hại cũng có một phần lỗi là không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định.

[3] Theo quy định tại Phụ lục 1 Thông tư 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/9/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng thì các loại xe máy nâng hàng thuộc danh mục xe máy chuyên dùng. Khi điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông ngoài điều kiện xe phải có đăng ký, đăng kiểm, biển số thì người điều khiển phải có “chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng do cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng cấp” theo khoản 1 Điều 62 Luật giao thông đường bộ.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc điều khiển xe nâng hàng khi không có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng là vi phạm pháp luật, song với mục đích có thêm thu nhập bị cáo vẫn cố ý thực hiện, khi tham gia giao thông đã không tuân thủ quy định khi chuyển hướng xe đã gây tai nạn, hậu quả ông K bị chết. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác, gây mất ổn định an ninh, trật tự, an toàn giao thông địa phương nói riêng, tình hình trật tự an toàn giao thông đường bộ nói chung nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND thị xã Kinh Môn đối với bị cáo là có căn cứ.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cho bị hại và gia đình bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc gia đình chính sách, có cậu ruột là Liệt sĩ, anh trai được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú; đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (*05 tình tiết*), có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng đủ tác dụng giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng các khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Đối với chiếc xe nâng hàng nhãn hiệu Mitsubishi Grendia là tài sản của vợ chồng anh Trần Ngọc H3 và chị Lê Thị H1. Anh Hướng, chị Hiên không biết việc bị cáo điều khiển chiếc xe trên tham gia giao thông nên được trả lại; đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 34D1-358.59 do anh Lương Văn D mua từ năm 2019 rồi cho ông K mượn để làm phương tiện đi lại. Nay ông Lương Văn K đã chết nên trả lại chiếc xe trên cho anh Lương Văn D.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo đã bồi thường tổng số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) cho gia đình ông Lương Văn K, và số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho gia đình cháu Lương Tiến D2. Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Trần Đức H 03 (*Ba*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (*Năm*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/5/2021.

Giao bị cáo Trần Đức H cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho vợ chồng anh Trần Ngọc H3 và chị Lê Thị H1 chiếc xe nâng hàng nhãn hiệu Mitsubishi Grendia; trả lại anh Lương Văn D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 34D1-358.59.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn ngày 06 tháng 5 năm 2021).

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 6; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Trần Đức H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị hại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan THADS thị xã Kinh Môn;
- Hồ sơ nghiệp vụ công an thị xã Kinh Môn;
- Bị cáo, đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huân